

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 - VĨNH LONG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 57/2025/HN-ST

Ngày: 19-9-2025

“V/v tranh chấp hôn nhân
và gia đình về ly hôn,
nuôi con chung”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thuý Hằng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Bùi Văn Mưa Lớn

2. Ông Hà Công Tâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Minh Nguyệt - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Nhân – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2025, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2025/TLST - HNGĐ, ngày 28/7/2025, về việc: “Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 111/2025/QĐXX-ST ngày 22 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Ngọc T, sinh năm 2005; Địa chỉ cư trú: ấp O, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn Tấn Đ, sinh năm 1990; Địa chỉ cư trú: ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long.

Chị T có mặt, anh Đ vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn xin ly hôn đề ngày 14/7/2025, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, chị Phạm Ngọc T trình bày:*

1. Về hôn nhân: Chị xin ly hôn với anh Nguyễn Văn Tấn Đ. Lý do: Chị và anh Đ do tìm hiểu tự nguyện tiến đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn vào ngày 10/9/2024. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm trong cách sống và về kinh tế gia đình. Vợ chồng không có tiếng nói chung, nhiều lần hàn gắn nhưng không đạt được, mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, không còn tình cảm nên quyết định ly hôn.

2. Về con chung: 01 con chung tên Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 20/5/2025 hiện đang sống chung với chị. Khi ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi con và yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng từ bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Không có.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Không có.

Không còn yêu cầu nào khác.

** Bị đơn anh Nguyễn Văn Tấn Đ vắng mặt trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa, không có lời trình bày.*

** Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long phát biểu cho rằng:*

Về thủ tục tố tụng: Thẩm phán chủ tọa phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đầy đủ các thủ tục tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký cũng như đương sự nghiêm túc thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ của mình được Bộ luật tố tụng dân sự quy định. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa. Bị đơn vắng mặt lần thứ 02 không có đơn xin vắng.

Về nội dung giải quyết vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Ngọc T; Con chung: Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 20/5/2025, khi ly hôn, chị Phạm Ngọc T được trực tiếp nuôi con và buộc anh Nguyễn Văn Tấn Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Tài sản chung và nợ chung: Chị Phạm Ngọc T trình bày không có, anh Nguyễn Văn Tấn Đ vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, nghe ý kiến của Kiểm sát viên. Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

Căn cứ vào đơn xin ly hôn của chị Phạm Ngọc T, Hội đồng xét xử xác định vụ án có quan hệ tranh chấp là “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình về ly hôn, nuôi con chung*”. Trong đó xác định chị Phạm Ngọc T là nguyên đơn, anh Nguyễn Văn Tấn Đ là bị đơn; vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 6 - Vĩnh Long theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Xét việc vắng mặt của anh Nguyễn Văn Tấn Đ tại phiên toà, vắng mặt lần thứ 02, không có đơn xin vắng, Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt là đúng quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về nội dung giải quyết vụ án:

2.1. Xét yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Ngọc T, thấy rằng:

Tại phiên toà, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu xin ly hôn với anh Đ. Anh Đ vắng mặt không lời trình bày.

Khi thực hiện xác minh, bà Châu Thị N là mẹ ruột của chị T cung cấp thông tin: Hôn nhân của anh Đ và chị T có tổ chức đám cưới theo phong tục, tập quán tại địa phương. Sau khi cưới, anh Đ về sống chung với gia đình chị T (sống trọ). Quá trình sống chung, chị T và anh Đ thường xảy ra xích mích, cự cãi nhau. Anh Đ có tính gia trưởng, đi làm về không phụ giúp công việc gia đình, bà có khuyên nhưng anh Đ không chịu khắc phục nên chị T không sống được. Nay hôn nhân của chị T do chị tự quyết định. Chị T và anh Đ có con chung được 03 tháng tuổi hiện do chị T chăm sóc, bà có hỗ trợ chị T chăm sóc con. Trước đây chị T làm thuê (bán quần áo), mỗi tháng thu nhập mỗi tháng khoảng 6.000.000 đồng. Còn anh Đ làm vận chuyển hàng hoá (shipper), mỗi tháng thu nhập bao nhiêu bà không biết.

Thấy rằng mục đích hôn nhân là để xây dựng gia đình ấm no, tiến bộ, hạnh phúc; trong quá trình sống chung vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau. Xét thấy mâu thuẫn giữa chị T và anh Đ là có thật. Nguyên nhân theo chị T bắt nguồn từ việc bất đồng quan điểm trong cuộc sống, vợ chồng thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ lẫn nhau, không tìm được tiếng nói chung và thường xuyên cãi nhau về vấn đề kinh tế nhưng không tìm được hướng giải quyết mâu thuẫn. Quá trình giải quyết vụ án, Toà án cũng đã tạo điều kiện để cho vợ chồng hòa giải tìm cách hàn gắn tình cảm nhưng anh Đ không đến, điều đó chứng minh anh Đ không có ý muốn hoà giải đoàn tụ với chị T. Nay chị T vẫn giữ quan điểm xin ly hôn. Xét khả năng hàn gắn đoàn tụ là không thể, mâu thuẫn đã đến mức trầm trọng, mục đích hôn nhân đã không đạt được nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T theo quy định tại Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 là có căn cứ.

2. Về con chung: Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 20/5/2025. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi con. Thấy rằng con chưa đủ 12 tháng tuổi và đang do chị T chăm sóc, nên để chị T trực tiếp nuôi con khi ly hôn là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị T yêu cầu anh Đ cấp dưỡng nuôi con 2.000.000 đồng/tháng. Hội đồng xét xử xét thấy, chị T cho rằng hiện nay chị đang nuôi con nhỏ, không có thu nhập; trước khi sinh con chị thu nhập mỗi tháng 6.000.000 đồng, riêng phần thu nhập của anh Đ thì chị T không chứng minh được. Thấy rằng nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là của người không trực tiếp nuôi con khi ly hôn để đảm bảo quyền lợi của con nên buộc anh Đ cấp dưỡng nuôi con là phù hợp. Theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 02/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, quy định mức cấp dưỡng không được thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng nơi người cấp dưỡng đang cư trú. Thấy rằng, anh Đ đang cư trú tại ấp T, xã T, huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (nay là ấp T, xã P, tỉnh Vĩnh Long). Theo quy định tại Điều 3 Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ thì huyện Mỏ Cày Bắc, tỉnh Bến Tre (nay là xã P, tỉnh Vĩnh Long) thuộc vùng IV, có mức lương tối thiểu vùng là 3.450.000 đồng/tháng. Đối chiếu quy định của pháp luật, chi phí nuôi dưỡng con, điều kiện chăm sóc con của chị T và thu nhập của các bên, xét thấy mức yêu cầu của chị T với mức cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng là phù hợp nên chấp nhận.

Về phương thức và thời gian cấp dưỡng: Chị T yêu cầu cấp dưỡng từng tháng và bắt đầu cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi. Xét thấy yêu cầu này là sự tự nguyện và không trái quy định của pháp luật nên ghi nhận.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị T trình bày không có, anh Đ vắng mặt, không có lời trình bày, không ai yêu cầu, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị T trình bày không có, anh Đ vắng mặt, không có lời trình bày, không ai yêu cầu, không giải quyết.

[3]. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định trên nên chấp nhận.

Án phí dân sự không có giá ngạch đối với yêu cầu xin ly hôn, chị T chịu theo quy định. Án phí cấp dưỡng nuôi con, anh Đ chịu theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 68, khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Căn cứ Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Căn cứ Điều 7 Nghị quyết 02/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

- Căn cứ Điều 3 Nghị định 74/2024/NĐ-CP ngày 30/6/2024 của Chính phủ.

- Áp dụng Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Ngọc T.

Cụ thể tuyên:

1. Chị Phạm Ngọc T được ly hôn với anh Nguyễn Văn Tấn Đ.

2. Về con chung: Nguyễn Ngọc Kim N, sinh ngày 20/5/2025. Khi ly hôn, chị Phạm Ngọc T được trực tiếp nuôi con. Buộc anh Nguyễn Văn Tấn Đ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 2.000.000 đồng (hai triệu đồng), cấp từng tháng, bắt đầu cấp dưỡng từ khi bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con đủ 18 tuổi.

Sau khi ly hôn, cha, mẹ đều có quyền, nghĩa vụ đối với con chung chưa thành niên theo quy định tại Điều 58, 81, 82, 83, 84 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

3. Về tài sản chung của vợ chồng: Chị Phạm Ngọc T trình bày không có, anh Nguyễn Văn Tấn Đ vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

4. Về nợ chung của vợ chồng: Chị Phạm Ngọc T trình bày không có, anh Nguyễn Văn Tấn Đ vắng mặt không lời trình bày, không giải quyết.

Các đương sự không có yêu cầu nào khác, không xem xét.

5. Về án phí dân sự sơ thẩm không có giá ngạch:

Đối với yêu cầu ly hôn: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), chị Phạm Ngọc T phải chịu. Được khấu trừ theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000974 ngày 28 tháng 7 năm 2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng), anh Nguyễn Văn Tấn Đ chịu.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành bản án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND tỉnh Vĩnh Long;
- VKSND khu vực 6 - Vĩnh Long;
- THADS tỉnh Vĩnh Long;
- Cơ quan thực hiện ĐKKH;
- Đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Đỗ Thuý Hằng